

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2020/DS-ST**
Ngày: 10/7/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp.
2. Ông Võ Hùng Vương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 05 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thiện T, sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố 9, phường Phú H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh Q, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2020, nguyên đơn ông Phạm Thiện T trình bày:*

Nguyên trước đây ông T và ông Q có quen biết nhau. Ngày 19/11/2019, ông Q có vay của ông T số tiền là 300.000.000 đồng, giấy vay tiền được ông Q viết và ký tên. Theo giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/12/2019. Để đảm bảo khoản vay trên, ông T có giữ Thẻ Đảng viên của ông Q. Cho

đến nay đã hết thời hạn trả nợ, ông T đã nhiều lần liên hệ và hối thúc ông Q thanh toán nhưng ông Q luôn lẩn tránh và không có ý định trả lại số tiền này cho ông T. Theo ông T được biết thì ông Q hiện tại vẫn có công việc ổn định. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, số tiền lãi 01 tháng với lãi suất là 1,5%/tháng số tiền là 4.500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi ông T yêu cầu ông Q phải thanh toán cho ông T là 304.500.000 đồng. Sau khi ông Q thanh toán đủ số tiền trên thì ông T sẽ trả lại Thẻ Đảng viên cho ông Q.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng các văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua người thân là ông Lê M (cha ruột ông Q), trú cùng địa chỉ bị đơn theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Minh Q không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì về tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thiện T đối với bị đơn ông Lê Minh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình thức tổng đạt trực tiếp qua người thân là ông Lê M (cha ruột ông Q), trú cùng địa chỉ bị đơn theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Q không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn ông Phạm Thiện T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 19/11/2019, ông Q có vay của ông T số tiền là 300.000.000 đồng, giấy vay tiền được ông Q viết và ký tên. Theo giấy vay tiền thì hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, tính từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/12/2019.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông T có giữ Thẻ Đảng viên của ông Q. Đã hết thời hạn trả nợ, ông T đã nhiều lần liên hệ và hối thúc ông Q thanh toán nhưng ông Q luôn lẩn tránh và không có ý định trả lại số tiền này cho ông T nên ông T khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Xét thấy, căn cứ vào “Giấy mượn tiền ngày 19/11/2019” do ông Q lập, ký tên và lấn tay có cơ sở xác định ông Q có vay của ông T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, ông Q cam kết trong thời hạn 01 tháng sẽ trả lại cho ông T số nợ trên nhưng hết thời hạn vay đã lâu mà ông Q vẫn không chịu trả nợ. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Q có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Ông T yêu cầu ông Q thanh toán số tiền lãi 01 tháng với mức lãi suất 1,5%/tháng x 300.000.000 đồng = 4.500.000 đồng. Xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 19/11/2019, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, mức lãi suất là 1,5%/tháng nên đây là trường hợp vay có kỳ hạn và vay có lãi, mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do vậy, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 4.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 304.500.000 đồng.

[4] Về tài sản cầm cố: Để đảm bảo khoản vay trên, ông T có giữ bản chính thẻ Đảng viên số 43032772, ngày 02/9/2019 của ông Lê Minh Q. Xét thấy, thẻ Đảng viên không phải là tài sản nên việc ông Q mang đi cầm cố cho ông T là vi phạm điều cấm của pháp luật nên giao dịch này bị vô hiệu, các bên phải trả lại cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại 105, 123, 131, 309 của Bộ luật dân sự. Do vậy, ông T phải có trách nhiệm trả lại cho ông Q bản chính thẻ Đảng viên số 43032772, ngày 02/9/2019.

[5]. Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 105, 123, 131, 309, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 177, 227, 228, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thiện T đối với bị đơn ông Lê Minh Q về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Lê Minh Q phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Thiện T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, số tiền lãi là 4.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 304.500.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ông Phạm Thiện T có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Minh Q bản chính thẻ Đăng viên số 43032772, ngày 02/9/2019 mang tên Lê Minh Q.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Minh Q phải chịu số tiền là 15.225.000 đồng.

- Hoàn trả cho ông Phạm Thiện T số tiền là 7.612.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0041773 ngày 29/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Thanh Tuyền

